



Original Article

“Dangerous Act(s) to Society” - The Foundation for Crime, Criminal Responsibility and Punishment

Trinh Tien Viet*

VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 15 July 2024

Revised 20 August 2024; Accepted 25 September 2024

Abstract: Article 8 of the Penal Code 2015, amended in 2017, stipulates and defines the concept of crime as follows: “*Crime is an act that is dangerous to society...*”. However, not all acts that are dangerous to society are crimes and the person who commits them must bear criminal responsibility, and not every criminally responsible act must be punished. For that reason, based on the core content of criminal law, the article clarifies the proposed cases (possibilities) and typical forms of expression of crime from the starting point of “dangerous act(s) to society”. It sets out a number of problems and solutions, thereby raising scientific awareness and ensuring accurate and comprehensive handling of three root issues of criminal law - crime, criminal liability, and punishment. This contributes to the fight against crime in the new context.

Keywords: Dangerous act(s) to society, crime, criminal responsibility, punishment.

* Corresponding author.

E-mail address: ttviet@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4688>

“Hành vi nguy hiểm cho xã hội” - khởi điểm “gốc” của vấn đề tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt

Trịnh Tiên Việt*

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 15 tháng 7 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 8 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 9 năm 2024

Tóm tắt: Điều 8 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015) quy định về khái niệm tội phạm đã định nghĩa: “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội...*”. Tuy nhiên, không phải hành vi nguy hiểm cho xã hội nào cũng là tội phạm và người thực hiện hành vi đó phải chịu trách nhiệm hình sự và không phải cứ phải chịu trách nhiệm hình sự là phải chịu hình phạt. Vì lẽ đó, trên cơ sở nội dung cốt lõi của luật hình sự, bài viết làm sáng tỏ những trường hợp (khả năng) đặt ra và hình thức biểu hiện đặc trưng từ điểm xuất phát là “hành vi nguy hiểm cho xã hội”, từ đó, đặt ra một số vấn đề và giải pháp khắc phục, qua đó nâng cao nhận thức khoa học, bảo đảm xử lý chính xác, toàn diện ba vấn đề gốc của luật hình sự - tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt, góp phần đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Hành vi nguy hiểm cho xã hội, tội phạm, trách nhiệm hình sự, hình phạt.

1. Đặt vấn đề

Luật hình sự¹ là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm hệ thống quy phạm pháp luật hình sự do Nhà nước ban hành xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là các tội phạm, đồng thời quy định hình phạt có thể áp dụng đối với các tội phạm ấy, cũng như một số vấn đề khác liên quan đến xác định tội phạm và trách nhiệm hình sự.

Luật hình sự điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh giữa một bên là Nhà nước và một bên là chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã

hội mà luật hình sự quy định là tội phạm bao gồm: người, pháp nhân thương mại phạm tội (qua hành vi của người đại diện của mình) với những quyền và nghĩa vụ nhất định của mỗi bên [1, 2].

Điều 8 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về khái niệm tội phạm đã định nghĩa: “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội...*”. Theo đó, hành vi nguy hiểm cho xã hội là *xử sự cụ thể* của con người hoặc của pháp nhân thương mại (thông qua xử sự cụ thể của người đại diện của pháp nhân đó) ra ngoài thế giới khách quan dưới các hình thức khác nhau, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho các quan hệ xã hội được luật hình sự xác lập và bảo vệ. Do đó, việc làm rõ “hành vi

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: ttviet@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4688>

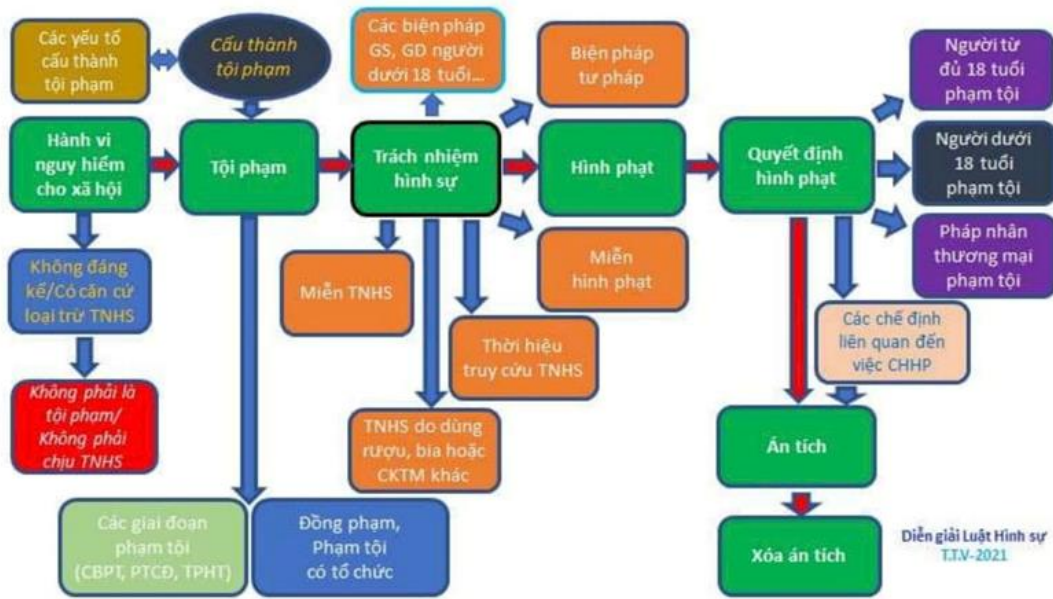
¹ Từ “Criminal” xuất phát từ từ “Crimen”, có nghĩa là tội phạm hoặc có nghĩa là sự kết án về một tội nào đó. Như vậy, luật hình sự được hiểu là Luật về tội phạm. Ngoài ra, người ta còn dùng các cụm từ “Penal Law”

(tiếng Anh), “Droit Pénal” (tiếng Pháp), hoặc “Strafrecht” (tiếng Đức) để chỉ luật hình sự. Từ “Penal” xuất phát từ từ “Poena”, nghĩa là hình phạt. Do đó, ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, luật hình sự (tiếng Anh: Criminal Law; tiếng Pháp: Droit Criminel; tiếng Đức: Criminalrecht) được hiểu thông nhất là Luật về tội phạm hoặc Luật về hình phạt.

nguy hiểm cho xã hội” với tư cách là “xuất phát điểm” của luật hình sự có ý nghĩa rất quan trọng, từ đó mới dẫn đến xem xét vấn đề tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt. Nói cách khác, trách nhiệm hình sự chỉ đặt ra chủ thể thực hiện hành vi nhất định. Qua đó, góp phần nhận thức chính xác từng trường hợp và các khả năng cụ thể trên “đường đi” của hành vi nguy hiểm cho xã hội mới làm sáng tỏ và giải quyết dứt khoát những vấn đề “gốc” đã nêu, xử lý tội phạm và người

phạm tội một cách toàn diện, chính xác, có căn cứ và đúng pháp luật.² Khởi nguồn từ khi có “hành vi nguy hiểm cho xã hội” đến kết thúc quá trình diễn ra trong luật hình sự

Chúng tôi hệ thống hóa thành sơ đồ tư duy để diễn giải quá trình diễn ra của “hành vi nguy hiểm cho xã hội” từ khi bắt đầu (mốc xuất phát) đến khi kết thúc quá trình trong luật hình sự với 10 trường hợp với nhiều khả năng² như sau [3].



Trường hợp 1: Khi chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội³ là tội phạm⁴ có 07 khả năng sau đây:

a) **Khả năng thứ nhất:** Có hành vi nguy hiểm cho xã hội → xem xét hành vi đó có phải là tội phạm hay không (dựa vào các yếu tố cấu

² Tùy cách tiếp cận nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu mà mỗi nhà khoa học có cách đặt vấn đề và dẫn chiếu các khả năng khác nhau (TG).

³ Ở đây, trong khoa học luật hình sự, còn có các thuật ngữ khác tương đương như hành vi khách quan, hành vi phạm tội. Tuy nhiên, nếu dùng khái niệm “hành vi khách quan” thì được hiểu tương đồng và thống nhất với khái niệm “hành vi nguy hiểm cho xã hội”, vì đây là dấu hiệu khách quan bắt buộc của tất cả cấu thành tội phạm và là dấu hiệu đóng vai trò “trung tâm” trong mặt khách quan của tội phạm, đồng thời còn là một đặc điểm cơ bản của tội phạm. Bên cạnh đó, cũng một

số nghiên cứu lại dùng là “hành vi phạm tội”. Chúng tôi cho rằng, sử dụng khái niệm này cũng được hiểu tương đồng nhau nếu xét nó là một dấu hiệu bắt buộc trong mặt khách quan của tội phạm, còn nếu hiểu theo nghĩa rộng - hành vi phạm tội đáp ứng các yếu tố của cấu thành tội phạm thì lại chưa phân biệt được hành vi với tư cách là biểu hiện của mặt khách quan của tội phạm (thuộc một yếu tố cấu thành tội phạm) với hành vi với tư cách là hành vi thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm (cả bốn yếu tố cấu thành tội phạm).

⁴ Điều 8. Khái niệm tội phạm.

thành tội phạm [4]) → là tội phạm → có trách nhiệm hình sự (nếu không thuộc các trường hợp khác), chủ thể → phải chịu hình phạt (nếu không thuộc các trường hợp khác) → Tòa án quyết định hình phạt⁵ (mức và loại) → có án tích [5] → xóa án tích⁶.

b) *Khả năng thứ hai*: Có hành vi nguy hiểm cho xã hội → xem xét hành vi đó có phải là tội phạm hay không (dựa vào các yếu tố cấu thành tội phạm) → là tội phạm → có trách nhiệm hình sự nhưng chủ thể lại không phải chịu trách nhiệm hình sự do đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (thỏa mãn những điều kiện được hưởng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự)⁷.

c) *Khả năng thứ ba*: Có hành vi nguy hiểm cho xã hội → xem xét hành vi đó có phải là tội phạm hay không (dựa vào các yếu tố cấu thành tội phạm) → là tội phạm → có trách nhiệm hình sự nhưng chủ thể lại được miễn trách nhiệm hình sự (thỏa mãn một trong các căn cứ được miễn trách nhiệm hình sự)⁸.

d) *Khả năng thứ tư*: Có hành vi nguy hiểm cho xã hội → xem xét hành vi đó có phải là tội phạm hay không (dựa vào các yếu tố cấu thành tội phạm) → là tội phạm → có trách nhiệm hình sự, nhưng trước khi bị kết án, chủ thể lại mắc bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì Tòa án áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh⁹ và sau khi khỏi bệnh, người đó có thể phải chịu trách nhiệm hình sự.

đ) *Khả năng thứ năm*: Có hành vi nguy hiểm cho xã hội → xem xét hành vi đó có phải là tội phạm hay không (dựa vào các yếu tố cấu thành tội phạm) → là tội phạm → có trách nhiệm hình sự nhưng chủ thể lại được miễn hình phạt¹⁰ (nếu thỏa mãn các điều kiện của miễn hình phạt).

e) *Khả năng thứ sáu*: Có hành vi nguy hiểm cho xã hội (chủ thể là người dưới 18 tuổi thực hiện¹¹) → xem xét hành vi đó có phải là tội phạm hay không (dựa vào các yếu tố cấu thành tội phạm) → là tội phạm → có trách nhiệm hình sự → chủ thể lại được áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự¹².

f) *Khả năng thứ bảy*: Có hành vi nguy hiểm cho xã hội (chủ thể là người dưới 18 tuổi thực hiện) → xem xét hành vi đó có phải là tội phạm hay không (dựa vào các yếu tố cấu thành tội phạm) → là tội phạm → có trách nhiệm hình sự → chủ thể bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng¹³.

Trường hợp 2: Khi chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm nhưng họ lại ở trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác¹⁴, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.

Trường hợp 3: Khi chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng là hành vi chuẩn bị phạm tội có 02 khả năng sau đây:

⁵ Chương VIII. Quyết định hình phạt.

⁶ Chương X. Xóa án tích.

⁷ Điều 27. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

⁸ Điều 29. Căn cứ miễn trách nhiệm hình sự.

⁹ Điều 49. Bắt buộc chữa bệnh.

¹⁰ Điều 59. Miễn hình phạt.

¹¹ “Người dưới 18 tuổi phạm tội” là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Bộ luật Hình sự quy định là tội phạm. Tuy nhiên, không phải tội (danh) nào người dưới 18 tuổi cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, mà chỉ những người từ đủ 14 tuổi trở lên mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự và

phạm vi chịu trách nhiệm hình sự đã được quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015.

¹² Mục 2. Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự, Chương XII - Những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

¹³ Mục 3. Biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Chương XII - Những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

¹⁴ Điều 13. Phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác.

a) *Khả năng thứ nhất*, chủ thể thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi này được quy định trong Bộ luật Hình sự¹⁵.

b) *Khả năng thứ hai*, chủ thể thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi chuẩn bị đó không được quy định trong Bộ luật Hình sự.

Trường hợp 4: Khi chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng là hành vi phạm tội chưa đạt hoặc tội phạm hoàn thành¹⁶ có 02 khả năng sau đây:

a) *Khả năng thứ nhất*, chủ thể thực hiện hành vi phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành hoặc chưa đạt đã hoàn thành phải chịu trách nhiệm hình sự¹⁷.

b) *Khả năng thứ hai*, chủ thể thực hiện hành vi tội phạm hoàn thành phải chịu trách nhiệm hình sự.

Trường hợp 5: Khi chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm¹⁸ và chủ thể bị xử lý bằng các biện pháp khác.

Trường hợp 6: Khi chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội - gây thiệt hại cho xã

hội, về hình thức có dấu hiệu của tội phạm nhưng về nội dung, lại thỏa mãn một trong những căn cứ loại trừ trách nhiệm hình sự¹⁹ thì chủ thể không phải chịu trách nhiệm hình sự (hoặc chủ thể thực hiện một số hành vi thuộc những căn cứ loại trừ trách nhiệm hình sự - không phải là tội phạm (ví dụ phòng vệ chính đáng)²⁰).

Trường hợp 7: Khi chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam → xem xét hành vi đó có phải là tội phạm hay không (dựa vào các yếu tố cấu thành tội phạm) → là tội phạm → có trách nhiệm hình sự nhưng do chủ thể là người nước ngoài thuộc đối tượng được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự theo pháp luật Việt Nam theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo tập quán quốc tế, thì vấn đề trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế hoặc theo tập quán quốc tế đó; trường hợp điều ước quốc tế đó không quy định hoặc không có tập quán quốc tế thì trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết bằng con đường ngoại giao²¹.

¹⁵ Điều 14. Chuẩn bị phạm tội.

¹⁶ Tội phạm hoàn thành là trường hợp chủ thể đã thực hiện hành vi phạm tội thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm tương ứng của Phần các tội phạm Bộ luật Hình sự.

¹⁷ Điều 15. Phạm tội chưa đạt.

¹⁸ Khoản 2 Điều 8. Khái niệm tội phạm.

¹⁹ Chương IV. Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự.

²⁰ Lưu ý, mặc dù về bản chất pháp lý hình sự, “không phải là tội phạm” và “không phải chịu trách nhiệm hình sự” đều là trường hợp được loại trừ trách nhiệm hình sự và có nội hàm cơ bản là giống nhau. Tuy nhiên, ở đây, nhà lập pháp sử dụng các cụm từ khác nhau trong những trường hợp khác nhau là có ngụ ý rằng, đối với các trường hợp gây thiệt hại cho xã hội trong trường hợp phòng vệ chính đáng, trong khi bắt giữ người phạm tội... hành vi của người thực hiện là những hành vi có ích, có lợi cho xã hội, thậm chí là

những trường hợp cần được Nhà nước, xã hội động viên, khen thưởng, nên mặc dù đã gây thiệt hại cho xã hội nhưng vẫn không phải là tội phạm, qua đó, xác định rõ ràng ranh giới giữa tội phạm và không phải là tội phạm, phát huy tinh thần chủ động đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, làm các việc vì lợi ích chung của cộng đồng, trong đó có việc bảo vệ lợi ích của chính mình. Còn đối với một số trường hợp khác như: sự kiện bất ngờ, tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự... hành vi của người thực hiện cũng đã gây ra thiệt hại cho xã hội, tuy nhiên, do thiếu điều kiện về lỗi, về chủ thể của tội phạm nên không phải chịu trách nhiệm hình sự, chứ không thể không phải là tội phạm suy đến cùng theo đúng nghĩa, đồng thời, đây là những tình huống cụ thể với điều kiện cụ thể (TG).

²¹ Liên Hợp quốc, Công ước Viên năm 1961 về quan hệ ngoại giao; Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Pháp lệnh Hải quan năm 1990, Pháp lệnh về quyền ưu đãi miễn

Trường hợp 8: Khi chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm hoặc hậu quả của hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay²², tàu biển²³ mang quốc tịch Việt Nam hoặc tại vùng đặc quyền kinh tế²⁴, thềm lục địa²⁵ của Việt Nam → xem xét hành vi đó có phải là tội phạm hay không (dựa vào các yếu tố cấu thành tội phạm) → là tội phạm → có trách nhiệm hình sự và bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định Bộ luật Hình sự Việt Nam.

Trường hợp 9: Khi chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm hoặc hậu quả của hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay, tàu biển không mang quốc tịch Việt Nam đang ở tại biển cả hoặc tại giới hạn vùng trời nằm ngoài lãnh thổ nước Việt Nam, thì chủ thể có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định²⁶.

Trường hợp 10: Khi chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam → xem xét hành vi đó có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự nước ta trong trường hợp hành vi phạm tội xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của công dân Việt

trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam năm 1993...

²² “Tàu bay” là thiết bị được nâng giữ trong khí quyển nhờ tác động tương hỗ với không khí, bao gồm máy bay, trực thăng, tàu lượn, khí cầu và các thiết bị bay khác, trừ thiết bị được nâng giữ trong khí quyển nhờ tác động tương hỗ với không khí phân lại từ bề mặt trái đất (khoản 1 Điều 13 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006).

²³ “Tàu biển” là phương tiện nổi di động chuyên dùng hoạt động trên biển. Tàu biển quy định trong Bộ luật này không bao gồm tàu quân sự, tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ, kho chứa nổi, giàn di động, ụ nổi (Điều 13 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015).

²⁴ “Vùng đặc quyền về kinh tế” là vùng biển tiếp liền phía ngoài lãnh hải và hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng hai trăm hải lý tính từ đường cơ sở,

Nam hoặc xâm hại lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên²⁷.

Lưu ý: Đối với pháp nhân thương mại phạm tội được hiểu là được thực hiện thông qua hành vi của người đại diện của pháp nhân đó (dựa trên lý thuyết đồng nhất hóa trong khoa học luật hình sự [6, 7], đồng thời cần phân định rõ: 1) Việc pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân (khoản 2 Điều 75 Bộ luật Hình sự năm 2015); 2) Việc pháp nhân thương mại phạm tội không đương nhiên làm phát sinh trách nhiệm hình sự của cá nhân là người đại diện của pháp nhân đó [8]. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự Việt Nam trong thời gian tới cần cụ thể hóa và tách bạch hai nội dung này, tránh bỏ lọt tội phạm hoặc pháp nhân thương mại phạm tội, nhưng cũng tránh trường hợp chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự cá nhân mà không truy cứu được trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại và ngược lại.

3. Một số vấn đề đặt ra và giải pháp

Từ việc nghiên cứu nội dung cốt lõi của luật hình sự và sự thể hiện trong Bộ luật Hình sự năm

trừ trường hợp điều ước quốc tế giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan có quy định khác (khoản 3 Điều 4 Luật Biên giới quốc gia năm 2003).

²⁵ “Thềm lục địa” là đáy biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần kéo dài tự nhiên của lục địa mở rộng ra ngoài lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa mà Việt Nam là quốc gia ven bờ có quyền chủ quyền, quyền tài phán được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, trừ trường hợp điều ước quốc tế giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan có quy định khác (khoản 4 Điều 4 Luật Biên giới quốc gia năm 2003).

²⁶ Khoản 3 Điều 6. Hiệu lực của Bộ luật Hình sự đối với những hành vi phạm tội ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

²⁷ Khoản 2 Điều 6. Hiệu lực của Bộ luật Hình sự đối với những hành vi phạm tội ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2015 thông qua điểm xuất phát “hành vi nguy hiểm cho xã hội” với ba vấn đề gốc của luật hình sự, chúng tôi nhận thấy có một số vấn đề đặt ra và kiến nghị giải pháp như sau:

i) Cơ sở của trách nhiệm hình sự tương quan với một số “dấu hiệu nhân thân” trong xử lý tội phạm và người phạm tội

Khoản 1 Điều 2 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định “Chỉ người nào phạm *một tội* đã được...” là đề cập đến việc chủ thể *đã thực hiện hành vi* được liệt kê (mô tả) tại mỗi điều luật cụ thể về từng tội phạm (tội danh) trong Bộ luật Hình sự (như hành vi giết người, hành vi gián điệp, hành vi nhận hối lộ,...). Đây là hành vi được thực hiện bằng hành động hoặc không hành động, thỏa mãn những dấu hiệu cấu thành tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự theo từng loại tội phạm (cụ thể). Đây được gọi là hành vi phạm tội “gốc” [9] nhưng quanh “hành vi” này đang đặt ra nhiều vấn đề từ hành vi phạm tội “phái sinh” [9] (bao gồm các hành vi chuẩn bị phạm tội, tổ chức, xúi giục, giúp sức trong đồng phạm), hoặc những vấn đề khác như: những điều kiện của

trách nhiệm hình sự, hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, tội phạm được đại xá...

Đặc biệt, trong tương quan, đánh giá với nội tại trong Bộ luật Hình sự năm 2015, một số trường hợp khi các nhà làm luật sử dụng dấu hiệu nhân thân - “đã bị xử lý hành chính”, “đã bị xử lý kỷ luật” hay “đã bị kết án” là dấu hiệu định tội thì nên nghiên cứu, cân nhắc bỏ đi dấu hiệu này [10]²⁸, vì Điều 2 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã quy định cái gốc của vấn đề: “Chỉ người nào phạm *một tội* đã được Bộ luật Hình sự mới phải chịu trách nhiệm hình sự...”. Ở đây, tội phạm là một sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ pháp luật hình sự. Vì vậy, khi tội phạm xảy ra nhưng chưa bị phát hiện hoặc đã bị phát hiện nhưng chưa xác định được người phạm tội thì quan hệ pháp luật hình sự vẫn tồn tại. Rõ ràng, “điểm khởi đầu của trách nhiệm hình sự là thời điểm xảy ra tội phạm” [11]. Do đó, nguyên tắc truy cứu trách nhiệm hình sự dựa trên hành vi và quy định cơ sở của trách nhiệm hình sự phải dựa trên hành vi, không thể lấy sự “thiếu hụt” về hành vi mà có thể cộng thêm đặc điểm nhân thân, và không thể cứ cộng hai lần hành chính lại bằng một lần hình sự [12]²⁹ (mức độ hình sự là hình sự, mức độ hành

²⁸ Chúng tôi chia sẻ với quan điểm nêu quy định như vậy là trái với nguyên tắc hành vi của luật hình sự. Theo nguyên tắc hành vi, trách nhiệm hình sự chỉ được đặt ra khi chủ thể thực hiện hành vi nhất định; một người không thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tư tưởng cũng như vì bất cứ đặc điểm nhân thân nào của họ. Trong luật hình sự, đặc điểm nhân thân nhất định có thể được xác định tại một số điều luật nhưng không có ý nghĩa xác định hành vi cấu thành tội phạm mà có ý nghĩa khác. Bởi đặc điểm nhân thân nhất định của chủ thể được xác định vì nó gắn liền với hành vi phạm tội như là điều kiện của hành vi phạm tội - không có đặc điểm nhân thân đó thì không thể thực hiện được hành vi phạm tội. Dấu hiệu định tội danh ở đây là dấu hiệu hành vi phạm tội mà không phải là dấu hiệu về nhân thân.

Đặc điểm nhân thân nhất định của chủ thể được quy định để giới hạn phạm vi chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự, loại trừ các trường hợp không phải chịu trách nhiệm hình sự. Hơn nữa, đặc điểm nhân

thân xấu (tái phạm, tái phạm nguy hiểm) được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng ở các tội danh cũng như là dấu hiệu tăng nặng trách nhiệm hình sự nói chung. Trong trường hợp ấy, đặc điểm nhân thân xấu không có ý nghĩa quyết định hành vi trở thành hành vi phạm tội mà chỉ có ý nghĩa làm tăng mức hình phạt cho người thực hiện hành vi phạm tội để bảo đảm cho hình phạt đạt được mục đích. Đặc điểm nhân thân nhất định của chủ thể được quy định là dấu hiệu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước như người già, người có thành tích xuất sắc,... Vì vậy, nghiên cứu loại bỏ dấu hiệu nhân thân xấu là dấu hiệu định tội danh ở tất cả điều luật. Xem: Thục Quyên, *Nhân thân xấu sẽ không còn dấu hiệu định tội?*,

<https://moj.gov.vn/> (accessed on: April 27th, 2024).

²⁹ Tác giả đã dẫn ra quan điểm của chuyên gia Nga Kuznesova N.Ph. cho rằng, nó giống như câu ngạn ngữ của Nga: “*một trăm con mèo không thể mặc nhiên trở thành con hổ*”. Đồng nhất tính nguy hiểm cho xã

chính là hành chính, quan hệ pháp luật hình sự và quan hệ pháp luật hành chính là khác nhau), ví dụ so sánh như sau:

Trường hợp 1: A đáp ứng điều kiện chủ thể của tội phạm, có hành vi trộm cắp tài sản trị giá 2.000.000 đồng, bị xử lý hình sự (trên cơ sở chung).

Trường hợp 2: A đáp ứng điều kiện chủ thể của tội phạm, có hành vi trộm cắp tài sản trị giá 100.000 đồng, bị xử lý hành chính (điểm a khoản 1 Điều 15 - Vi phạm quy định về gây thiệt hại đến tài sản của tổ chức, cá nhân khác trong Nghị định số 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành vi trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình). Ngoài ra, khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi năm 2020 quy định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm...; trong thời gian tiếp này, A lại trộm cắp tài sản trị giá 100.000 đồng, A bị xử lý hình sự...³⁰ (trên cơ sở chung).

Hoặc “gốc” của hai trường hợp là khác nhau nhưng xử lý hành chính lại có mức độ nặng hơn xử lý hình sự là chưa công bằng, ví dụ:

Trường hợp 1: A đáp ứng điều kiện chủ thể của tội phạm, có hành vi trộm cắp tài sản trị giá 100.000 đồng, bị xử lý hành chính (đã nêu) và thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm; trong thời gian này, A lại trộm cắp tài sản trị giá 100.000 đồng → A bị xử lý hình sự (gốc vi phạm ở mức độ hành chính).

Trường hợp 2: A đáp ứng điều kiện chủ thể của tội phạm, có hành vi trộm cắp tài sản trị giá 2.000.000 đồng, có đủ điều kiện miễn hình phạt (Điều 59) và sau đó “không bị coi là có án tích” (khoản 2 Điều 69 Bộ luật Hình sự năm 2015), tiếp tục trộm cắp 1.999.000 đồng → A không phạm tội và không bị xử lý hình sự (gốc vi phạm đã là ở mức độ hình sự).

hội của nhiều hành vi vi phạm hành chính qua một phép cộng là trái với bản chất của tội phạm.

³⁰ Nếu so sánh, rõ ràng, tách riêng trong từng trường hợp (không có quy định thêm dấu hiệu khác) trong

ii) Chưa nêu hành vi “được coi là thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” bao gồm các trường hợp nào

Hiệu lực của Bộ luật Hình sự Việt Nam về không gian được xem xét theo nguyên tắc lãnh thổ và nguyên tắc quốc tịch mà luật quốc tế, luật hình sự quốc tế đã xác định. Nói cách khác, hiệu lực về không gian luôn gắn liền với phạm vi lãnh thổ xác định [13] còn được gọi là “hiệu lực theo lãnh thổ” [14], nhưng Bộ luật Hình sự năm 2015 chưa nêu hành vi “được coi là thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Vì vậy, Bộ luật Hình sự năm 2015 cần thiết ghi nhận các trường hợp hành vi được gọi là thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam và Điều 5 Bộ luật này nên sửa đổi như sau:

“Điều 5. Hiệu lực của Bộ luật Hình sự đối với những hành vi phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1. Bộ luật Hình sự được áp dụng đối với mọi hành vi phạm tội thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hành vi được coi là thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam [15]:

a) *Hành vi phạm tội đã bắt đầu và kết thúc trên lãnh thổ Việt Nam;*

b) *Hành vi phạm tội đã bắt đầu ở nước khác nhưng kết thúc trên lãnh thổ Việt Nam;*

c) *Hành vi phạm tội đã bắt đầu ở Việt Nam nhưng kết thúc ở nước ngoài;*

Trường hợp chủ thể đã phạm một tội trên lãnh thổ Việt Nam, đồng thời còn phạm một tội khác ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, thì cũng bị xét xử theo pháp luật Việt Nam tại lãnh thổ Việt Nam.

Quy định này cũng được áp dụng đối với hành vi phạm tội hoặc hậu quả của hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay, tàu biển mang quốc tịch

trường hợp ví dụ này đều chưa làm phát sinh quan hệ pháp luật hình sự và chưa thỏa mãn cơ sở của trách nhiệm hình sự trên cơ sở chung.

Việt Nam³¹ hoặc tại vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam.

2. Đối với người nước ngoài có hành vi phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc đối tượng được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự theo pháp luật Việt Nam, theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo tập quán quốc tế, thì vấn đề trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế hoặc theo tập quán quốc tế đó; trường hợp điều ước quốc tế đó không quy định hoặc không có tập quán quốc tế thì trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết bằng con đường ngoại giao”.

iii) Trường hợp người không có lỗi trong tình trạng say do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác gây thiệt hại cho xã hội

Trước đây, Bộ luật Hình sự năm 1999 đã quy định: “Người phạm tội trong tình trạng say do dùng rượu hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự” (Điều 14). Như vậy, trước hết phải thừa nhận là “người trong tình trạng say do dùng rượu hoặc chất kích thích mạnh khác thường bị rối loạn tâm thần, khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi có thể bị hạn chế hoặc bị loại trừ” [16]. Hơn nữa, trước khi say rượu hoặc dùng chất kích thích mạnh khác, người này là người bình thường, họ

tự đặt mình vào trong tình trạng đó, nên họ phải chịu trách nhiệm hình sự, vì họ vẫn là người có năng lực trách nhiệm hình sự và có lỗi trước khi sử dụng rượu hay chất kích thích mạnh khác. Ngoài ra, nội dung của Điều 14 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã dùng là “người phạm tội...”. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy có những trường hợp một người do bị người khác ép buộc³², cưỡng bức dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác dẫn đến không có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình nên đã có hành vi gây thiệt hại cho xã hội, thì rõ ràng, họ không có lỗi (trong việc sử dụng, trong việc say do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác) - nên cần thiết phải loại trừ trách nhiệm hình sự cho họ [17]. Việc Điều 13 Bộ luật Hình sự năm 2015 lại sửa tên gọi thành “Phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác” là chưa chính xác, dễ hiểu lầm (phạm tội là do rượu, bia...), nên nghiên cứu sửa lại và ghép cả nội dung một người do bị người khác “ép buộc sử dụng” vào Điều 13 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, nội dung sửa đổi trường hợp cũ và nội dung mới này như sau:

“Điều 13. Phạm tội trong tình trạng say do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác

1. Người phạm tội trong tình trạng say do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.

2. Trường hợp một người gây thiệt hại cho xã hội trong tình trạng say do dùng rượu, bia

³¹ Nghiên cứu sửa đổi cụm từ trong Điều 270 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định về vụ án hình sự xảy ra “trên tàu bay hoặc tàu biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang hoạt động ngoài không phận hoặc ngoài lãnh hải của Việt Nam...” cho thống nhất với Điều 5 Bộ luật Hình sự năm 2015 là “tàu bay, tàu biển mang quốc tịch Việt Nam” nhằm bao quát trường hợp hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay, tàu biển thuộc cá nhân, tổ chức mang quốc tịch Việt Nam có cơ sở xử lý chứ không chỉ thuộc sở hữu của Nhà nước.

³² Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 đã góp phần hoàn thiện thể chế về phòng, chống tác hại của rượu, bia đối với sức khỏe con người, đời sống, xã hội kinh tế (đặc biệt là tai nạn giao thông, gây rối trật tự công cộng, bạo lực gia đình...) thông qua các biện pháp về giảm mức tiêu thụ rượu, bia;

quản lý việc cung cấp, hạn chế tính sẵn có của rượu, bia; giảm tác hại, bảo đảm nguồn lực để phòng, chống tác hại của rượu, bia, góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân, phòng, chống các tác động đến kinh tế, trật tự và an toàn xã hội. Luật có 7 Chương và 36 Điều. Đáng chú ý, Điều 5 quy định 13 hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống tác hại của rượu, bia, trong đó có một số hành vi như: Nghiêm cấm xúi giục, kích động, lôi kéo, ép buộc người khác uống rượu, bia; nghiêm cấm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ, người làm việc trong lực lượng vũ trang nhân dân, học sinh, sinh viên uống rượu, bia ngay trước, trong giờ làm việc, học tập và nghỉ ngơi giữa giờ làm việc, học tập; điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn...

hoặc dùng chất kích thích mạnh khác nhưng do bị ép buộc, dẫn đến mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì được loại trừ trách nhiệm hình sự”.

iv) Quy định về cấu thành tội phạm vật chất hay cấu thành tội phạm hình thức cần bảo đảm tính thống nhất

Hiện nay, căn cứ quy định tại khoản 1 đến khoản 5 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 đều lấy hậu quả xảy ra (được thể hiện trong bản kết luận giám định của cơ quan chuyên môn) làm cơ sở pháp lý đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. So với quy định tương ứng trong Bộ luật Hình sự năm 1999 trước đây, khoản 6 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung thêm quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội, ở trường hợp này hậu quả chưa xảy ra nhưng chủ thể vẫn truy cứu trách nhiệm hình sự. Chuẩn bị phạm tội ở đây là chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, axit nguy hiểm,... nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chứ chưa gây ra hậu quả trên thực tế. Tuy nhiên, về mặt lý luận, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thường được quan niệm là cấu thành tội phạm vật chất³³. Do đó, dẫn đến cách hiểu chưa thống nhất về trường hợp chuẩn bị phạm tội đối với tội phạm này do chưa có hậu quả xảy ra nhưng chủ thể vẫn bị xử lý trách nhiệm hình sự, vì vậy, chúng tôi đề nghị cơ quan có thẩm quyền cần ban hành văn bản hướng dẫn thi hành áp dụng thống nhất pháp luật trong trường hợp này [18].

v) Phân tách giữa trường hợp miễn trách nhiệm hình sự với miễn hình phạt

Các điều kiện, nội dung áp dụng miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt là khác nhau. Đặc biệt là hậu quả pháp lý của miễn trách nhiệm hình sự cũng khác với hậu quả pháp lý của miễn hình phạt. Theo đó, với miễn trách nhiệm

hình sự thì đương nhiên không áp dụng bất kỳ hình phạt nào với người phạm tội, điều này có nghĩa là bao hàm cả miễn hình phạt, nhưng miễn hình phạt thì không có nghĩa là không có trách nhiệm hình sự [19], mặc dù người được miễn hình phạt lại đương nhiên được xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999; còn trong Bộ luật Hình sự năm 2015 một điểm mới đáng ghi nhận là đối với người bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và người được miễn hình phạt “không bị coi là có án tích” (khoản 2 Điều 69).

Tuy nhiên, việc phân tách hai chế định miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt trong Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015 chưa rõ ràng. Cụ thể, Điều 59 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người phạm tội có thể được miễn hình phạt... mà đáng được khoan hồng đặc biệt *nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự*; hay khoản 2 Điều 390 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người không tố giác tội phạm nếu đã có hành động can ngăn người phạm tội hoặc hạn chế tác hại của tội phạm, thì *có thể được miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt*.

Cùng với đó, Bộ luật Hình sự năm 2015 chỉ quy định miễn hình phạt và giảm hình phạt chung khi có tình tiết giảm nhẹ đối với pháp nhân thương mại phạm tội, không quy định miễn trách nhiệm hình sự đối với đối tượng này. Trong khi đó, các biện pháp đã đề cập (miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt) đều có thể được áp dụng với người phạm tội. Chúng tôi cho rằng, xu hướng chung của luật hình sự sẽ tiếp tục quy định *miễn trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội*. Hơn nữa, không lý do gì khi các nhà làm luật đã quy định miễn hình phạt đối với đối tượng này (miễn hình phạt còn nghiêm khắc hơn cả miễn trách nhiệm hình sự) [20, 21].

vi) Chưa rõ bản chất pháp lý của biện pháp “giám sát, giáo dục đối với người dưới 18 tuổi

cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội và mối quan hệ nhân - quả giữa hai dấu hiệu này.

³³ Cấu thành tội phạm vật chất là cấu thành tội phạm mà nội dung mặt khách quan của tội phạm được luật hình sự quy định có ba dấu hiệu - hành vi nguy hiểm

được miễn trách nhiệm hình sự” và trường hợp chế tài - nếu không thực hiện nghĩa vụ

Hiện nay, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án chỉ quyết định miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp khiển trách, hòa giải tại cộng đồng hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, nếu người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc người đại diện hợp pháp của họ đồng ý với việc áp dụng một trong các biện pháp này (Điều 92 Bộ luật Hình sự năm 2015). Trong số các biện pháp này, biện pháp “*giáo dục tại xã, phường, thị trấn*” có bản chất pháp lý là *biện pháp tư pháp hình sự*, đã chuyển sang thành *biện pháp giám sát, giáo dục*, điều này có nghĩa mục đích áp dụng đã thay đổi, nhưng chưa rõ trong luật hình sự về bản chất pháp lý của các biện pháp đã nêu.

Ngoài ra, Bộ luật Hình sự năm 2015 vẫn chưa quy định “*chế tài*” trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự và bị áp dụng một trong các biện pháp khiển trách, hòa giải tại cộng đồng hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng lại không thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 93 và điểm a khoản 3 Điều 94 Bộ luật Hình sự năm 2015³⁴. Về vấn đề này, kinh nghiệm Bộ luật Hình sự Liên bang Nga là, nếu không thực hiện nghĩa vụ, theo yêu cầu của cơ quan chức năng, các biện pháp giám sát, giáo dục sẽ bị hủy bỏ và người đó sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự (khoản 4 Điều 90) [22].

vii) Cần bảo đảm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa và tính thống nhất, logic trong luật hình sự, cần chuẩn hóa một số vấn đề về kỹ thuật lập pháp, tránh sự hiểu sai

- Điều 2 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Chỉ người nào *phạm một tội* đã được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

2. Chỉ pháp nhân thương mại nào *phạm một tội* đã được quy định tại Điều 76 Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự”.

Từ vấn đề đầu tiên này của luật hình sự, soi chiếu quy định khác thấy có sự mâu thuẫn. Ở đây đề cập đến việc chủ thể *đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được mô tả trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm rồi*, nhưng sau đó, Điều 14 Bộ luật này lại quy định các trường hợp chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự, trong khi mới là: “*tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm...*” đã phải chịu trách nhiệm hình sự với các tội phạm nêu tại khoản 2 và khoản 2 đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội tại Điều 14 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hơn nữa, mặc dù có cơ sở của trách nhiệm hình sự rồi, nhưng không có nghĩa chủ thể đó phải chịu trách nhiệm hình sự, vì cần có thêm những điều kiện của trách nhiệm hình sự, lúc này mới buộc chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự, ví như trường hợp hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 27), khi tội phạm được đại xá (Điều 28),... [8]. Hoặc nêu “*chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội* đã được quy định tại Điều 76 Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự”, nhưng dù có thỏa mãn một trong các tội danh tại Điều 76 (33 tội danh), nhưng thiếu một điều kiện tại Điều 75 - ví dụ như lại hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thì pháp nhân thương mại đó, rõ ràng vẫn không phải chịu trách nhiệm hình sự, dù thỏa mãn Điều 2 và Điều 76 (đã nêu).

- Điều 8 Bộ luật Hình sự năm 2015 về khái niệm tội phạm: “*Tội phạm là hành vi... do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện...*, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc...” rõ ràng chưa chính xác, vì thực tế, Điều 76 chỉ nêu 33 tội danh liên quan đến pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng các tội danh trên (mà pháp nhân phải chịu trách nhiệm

³⁴ Các nghĩa vụ bao gồm: 1) Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc; 2) Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; 3) Tham gia các chương trình học tập, dạy nghề

do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp và; 4) Xin lỗi người bị hại và bồi thường thiệt hại.

hình sự, nếu có) đều không xâm phạm đến “độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc”. Vì vậy, nên tách riêng hai khoản (nếu được), một khoản là tội phạm do cá nhân thực hiện và một khoản là tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện thì mới chính xác. Tương tự, nhiều điều luật khác cũng chưa rõ pháp nhân thương mại là chủ thể của tội phạm hay chủ thể của trách nhiệm hình sự (Điều 2, Điều 8 nói rõ là chủ thể của tội phạm [6, 8, 23], nhưng các điều luật tương ứng lại không rõ mà lại được cho là chủ thể của trách nhiệm hình sự) [5].

- Các hình phạt đối với người phạm tội tại Điều 32³⁵ (không có án treo) và tại khoản 3 Điều này nêu rõ “*Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung*”. Ngoài ra, căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP (đã nêu) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bản chất pháp lý của án treo là biện pháp *miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện*, được Tòa án áp dụng đối với người phạm tội bị phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần bắt họ phải chấp hành hình phạt tù. Điều này có nghĩa, *án treo không phải là hình phạt chính* nhưng khoản 3 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 lại nêu “Tòa án có thể quyết định áp dụng đối với người được hưởng án treo *hình phạt bổ sung* nếu trong điều luật áp dụng có quy định hình phạt này” cần được xem xét, sửa đổi cho thống nhất giữa các quy định trên [2].

Tóm lại, trên cơ sở nội dung cốt lõi của luật hình sự, bài viết làm sáng tỏ những trường hợp (khả năng) đặt ra và hình thức biểu hiện đặc

trung từ điểm xuất phát khi có “*hành vi nguy hiểm cho xã hội*”, qua đó, bước đầu đề xuất giải pháp khắc phục ngay một số vấn đề tồn tại, vướng mắc trong Bộ luật Hình sự năm 2015 mà thực tiễn đòi hỏi, qua đó nâng cao nhận thức khoa học, hiểu đúng, đầy đủ và bảo đảm xử lý chính xác, toàn diện ba vấn đề “gốc” của luật hình sự - tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt [24], góp phần đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm trong bối cảnh mới [25].

Tài liệu tham khảo

- [1] L. V. Cẩm, T. T. Việt, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam Phần chung, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023, tr. 10.
- [2] T. T. Việt, Luật Hình sự Việt Nam và các định hướng phát triển, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023, tr. 16, 257.
- [3] T. T. Việt, Tổng quan Luật Hình sự Việt Nam, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr. 422.
- [4] L. V. Cẩm, Lý luận về cấu thành tội phạm trong khoa học luật hình sự, Tạp chí Luật học, số 2, 2004, tr. 22.
- [5] L. V. Cẩm, Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự Phần chung (Giáo trình Sau đại học), NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019, tr. 660.
- [6] T. Q. Toàn, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật hình sự, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 231.
- [7] T. V. Độ, Các học thuyết về cơ sở của trách nhiệm hình sự của pháp nhân, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 6, 2011, tr. 45.
- [8] T. T. Việt, Giáo trình Sau đại học: Trách nhiệm hình sự và hình phạt, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021, tr. 186 - 189.

³⁵ Điều 32. Các hình phạt đối với người phạm tội

1. Hình phạt chính bao gồm: a) Cảnh cáo; b) Phạt tiền; c) Cải tạo không giam giữ; d) Trục xuất; đ) Tù có thời hạn; e) Tù chung thân; g) Tử hình.

2. Hình phạt bổ sung bao gồm: a) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; b) Cấm cư trú; c) Quản chế; d) Tước một số

quyền công dân; đ) Tịch thu tài sản; e) Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính; g) Trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính.

3. Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung.

- [9] N. N. Hòa, Trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp hình sự khác, NXB. Tư pháp, Hà Nội, 2022, tr. 10.
- [10] T. Quyên, Nhân thân xấu sẽ không còn dấu hiệu định tội?, Công thông tin Bộ Tư pháp, <https://moj.gov.vn/>, (accessed on: April 27th, 2024).
- [11] H. S. Sơn, Nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự Việt Nam, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2009, tr. 127.
- [12] N. C. Hợp, Định kiến hành chính trong Luật Hình sự Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 16, 2021, tr. 7 - 15.
- [13] V. T. Thúy, Hiệu lực của Luật Hình sự Việt Nam về không gian, NXB. Hồng Đức, 2017, tr. 15.
- [14] Đ. V. Quế, Bình luận Bộ luật Hình sự năm 2015, Phần thứ nhất - Những quy định chung, NXB. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2017, tr. 29.
- [15] Đ. T. Úc, Luật Hình sự Việt Nam, Quyển 1 - Những vấn đề chung, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 395.
- [16] P. V. Đoàn, N. V. Siêm (dịch), Tâm thần học, NXB. "MIR" Mátxcova và NXB. Y học, Hà Nội, 1980, tr. 181 - 200.
- [17] T. T. Việt, Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr. 362.
- [18] T. T. Việt, 55 cặp tội danh dễ nhầm lẫn trong Bộ luật Hình sự hiện hành, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2023, tr. 123.
- [19] T. T. Việt, Mối liên hệ giữa trách nhiệm hình sự và hình phạt, Tạp chí Luật học, số 9, 2021, tr. 20.
- [20] T. T. Quỳnh, Miễn, giảm hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2021, tr. 136.
- [21] T. T. Quỳnh, Miễn hình phạt trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 và một số vấn đề đặt ra, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 1, 2018, tr. 14 - 17.
- [22] Trường Đại học Luật Hà Nội (dịch), Bộ luật Hình sự Liên bang Nga, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, 2011, tr. 132.
- [23] P. H. Hải, Pháp nhân có phải là chủ thể của tội phạm hay không?, Tạp chí Luật học, số 2, 2000, tr. 16.
- [24] N. N. Hòa (chủ biên), Trách nhiệm hình sự và hình phạt, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, 2001, tr. 3.
- [25] T. T. Việt (chủ biên), Chính sách hình sự Việt Nam trước thách thức Cách mạng Công nghiệp 4.0, NXB. Tư pháp, Hà Nội.
- [26] B. V. Schaack, R. Slye, The Internationalization of Crimes, Santa Clara Univ. Legal Studies Research Paper, No. 10, 2008, pp. 107 - 119.